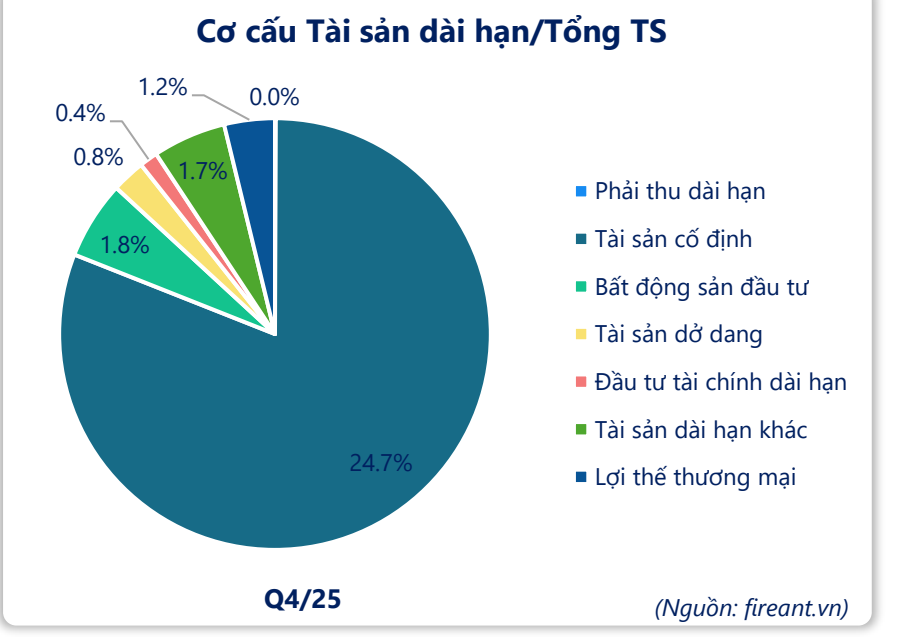
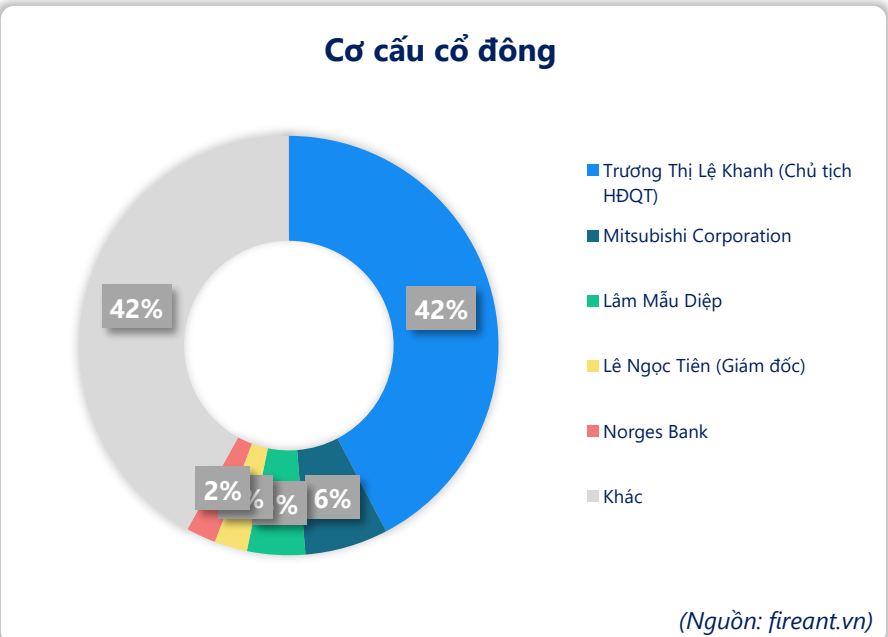
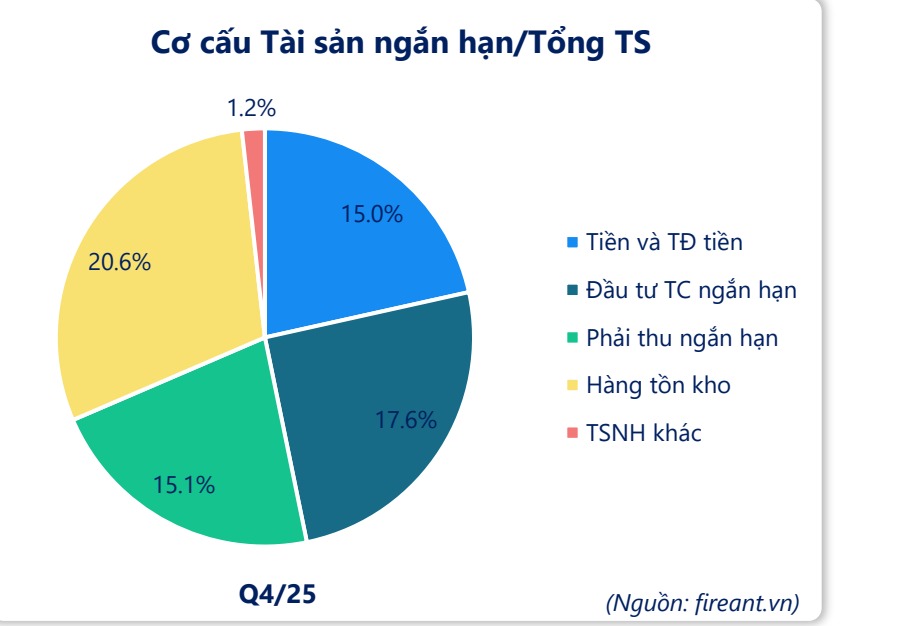
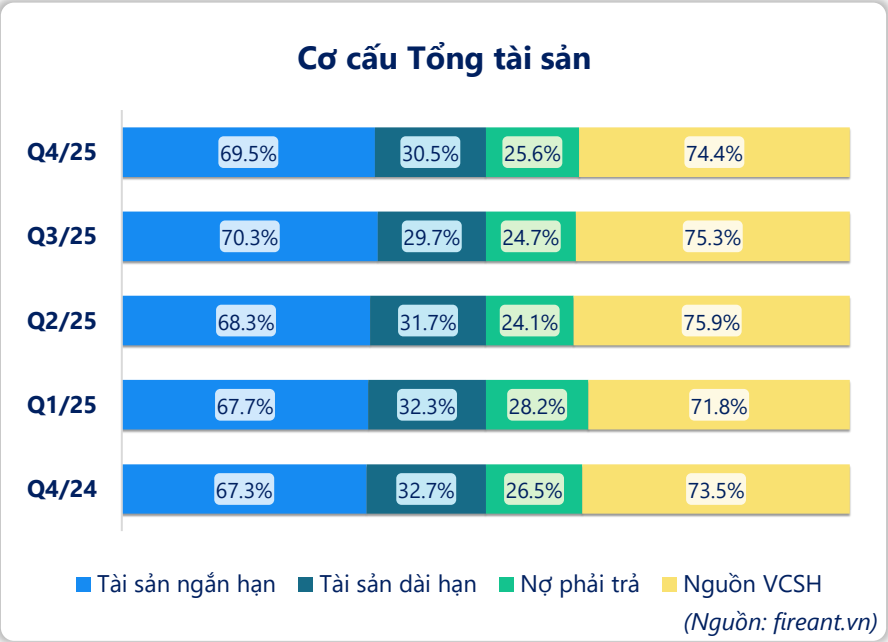
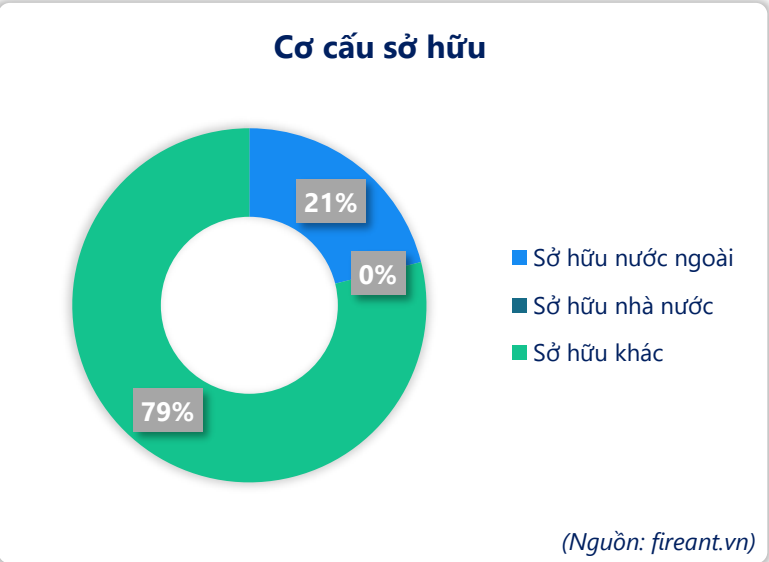
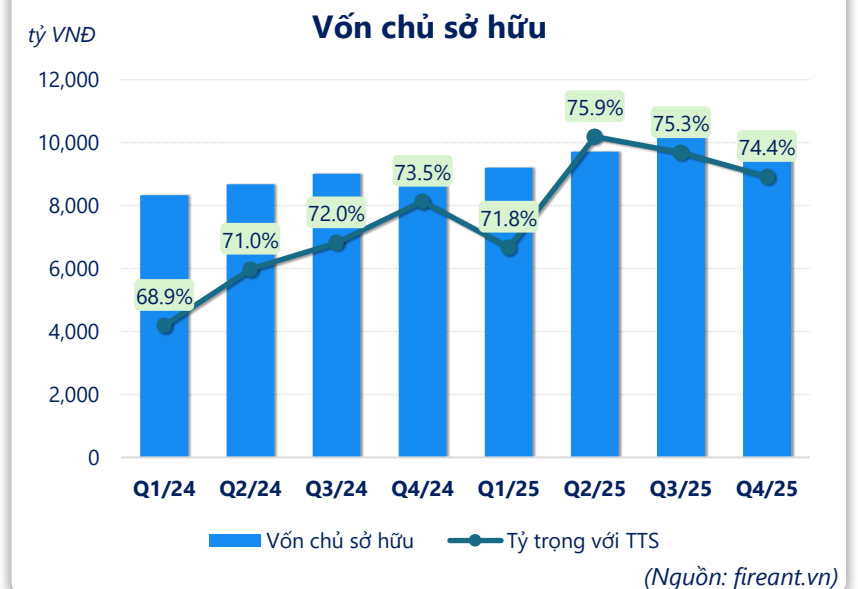
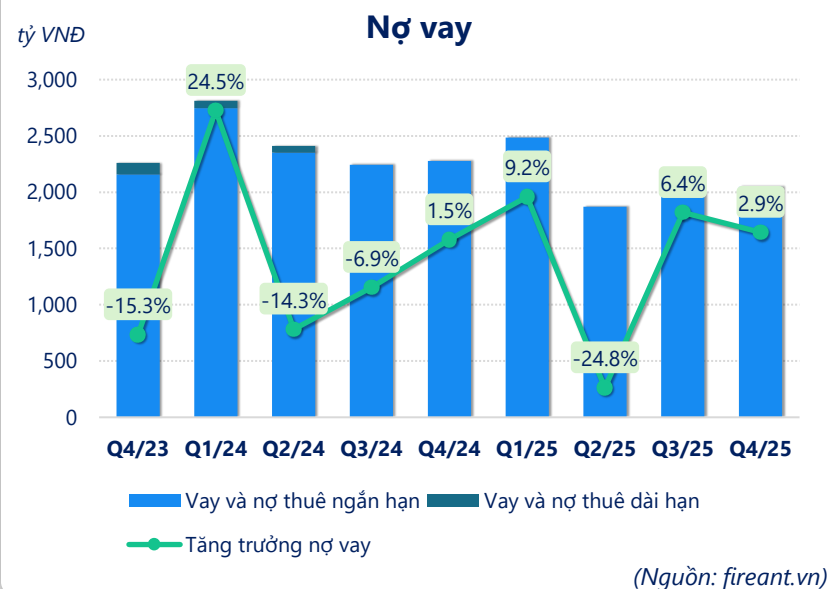
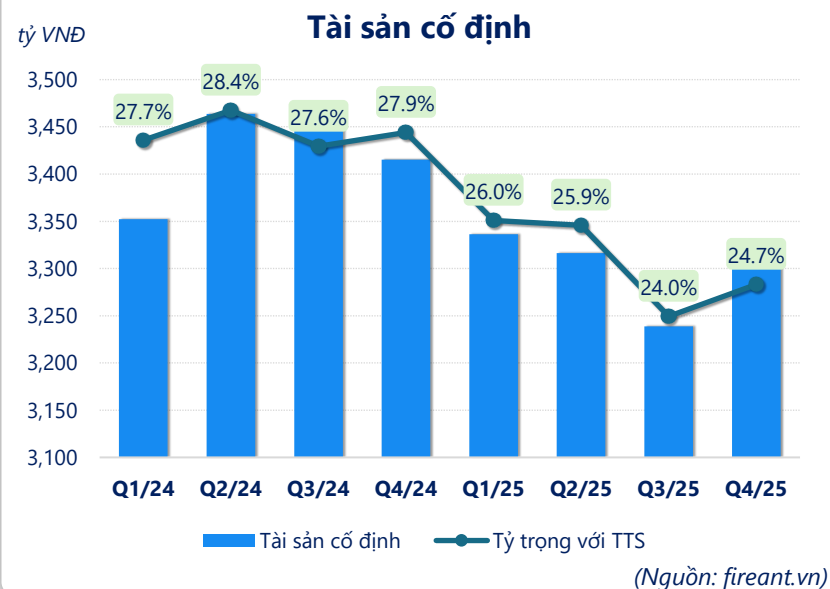
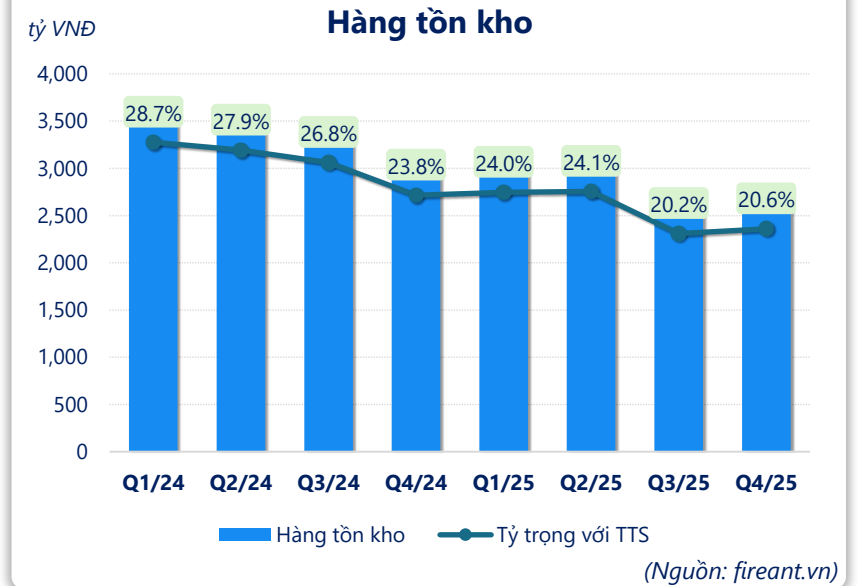
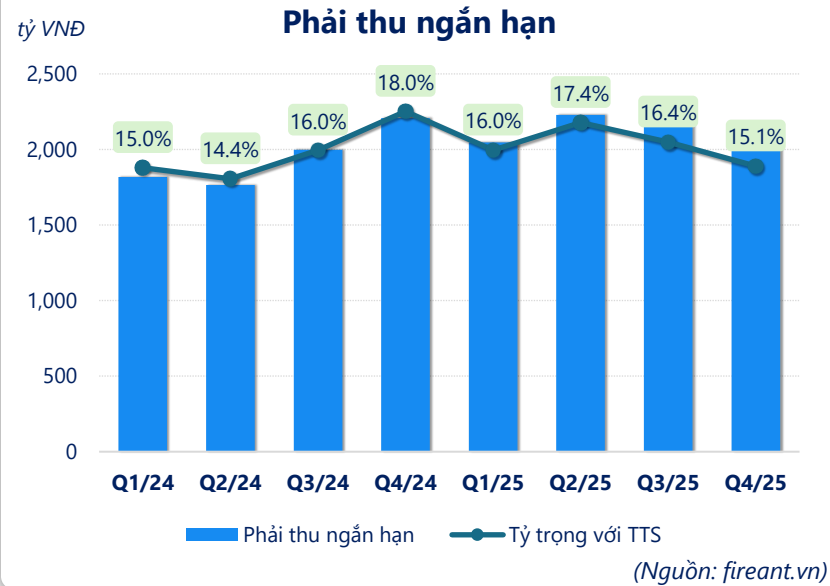
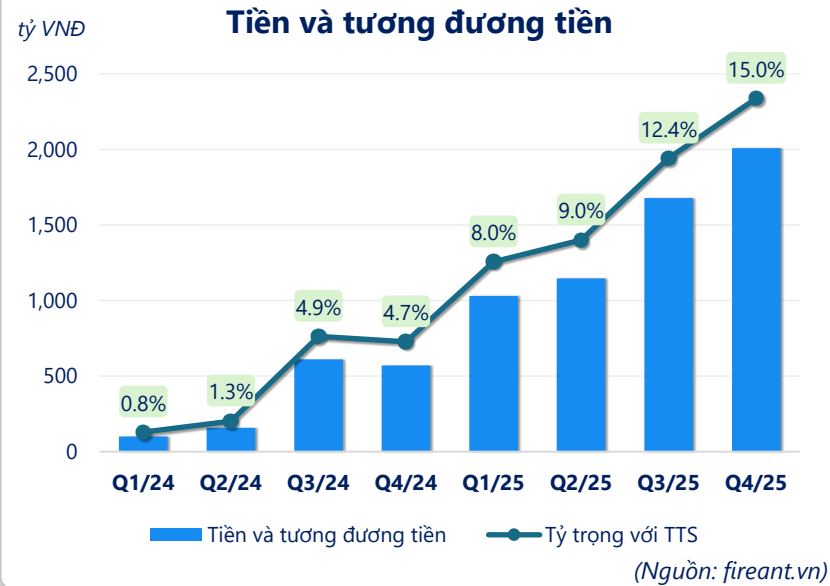
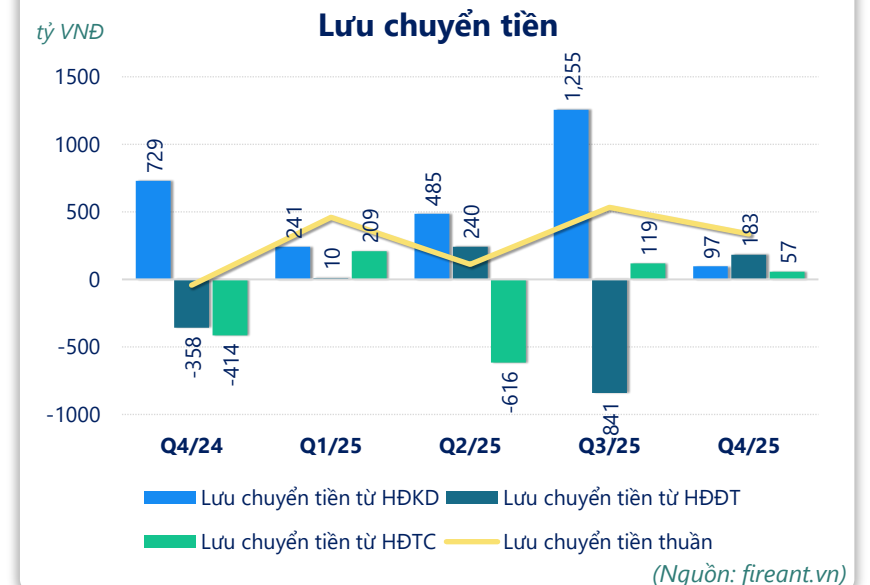
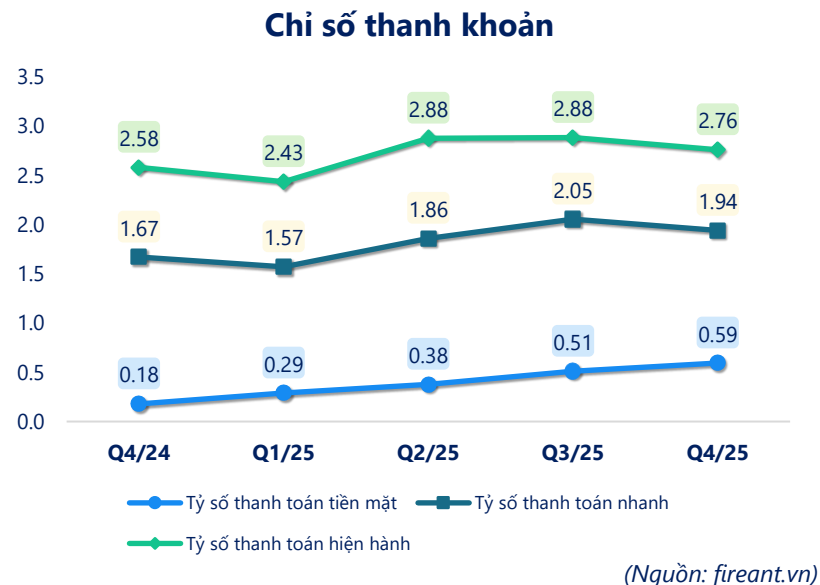
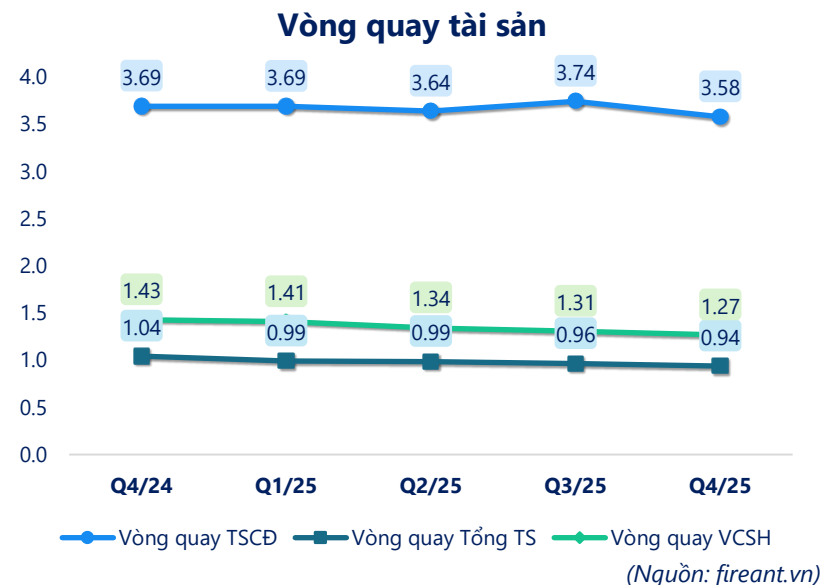
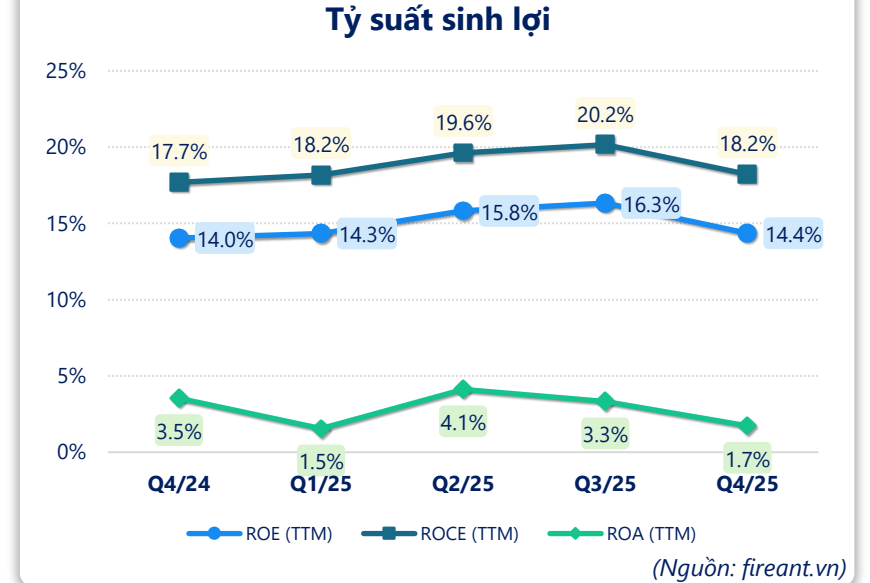
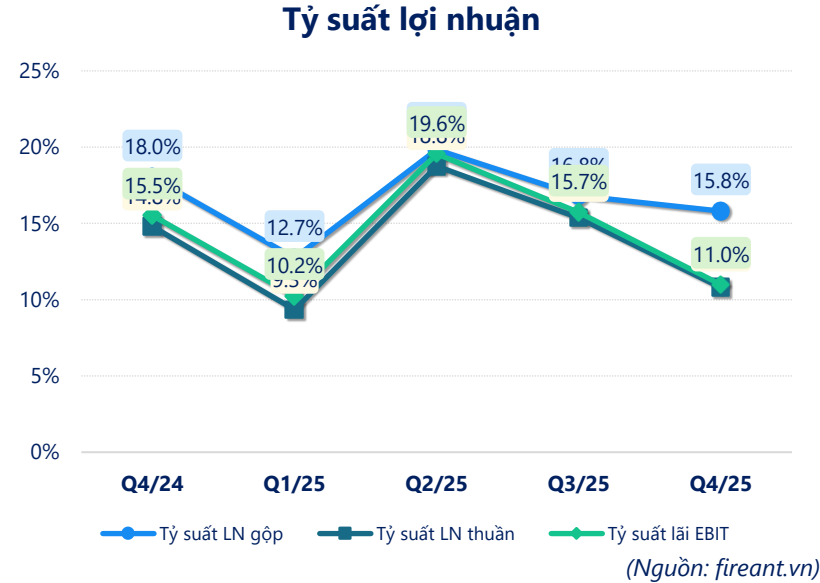
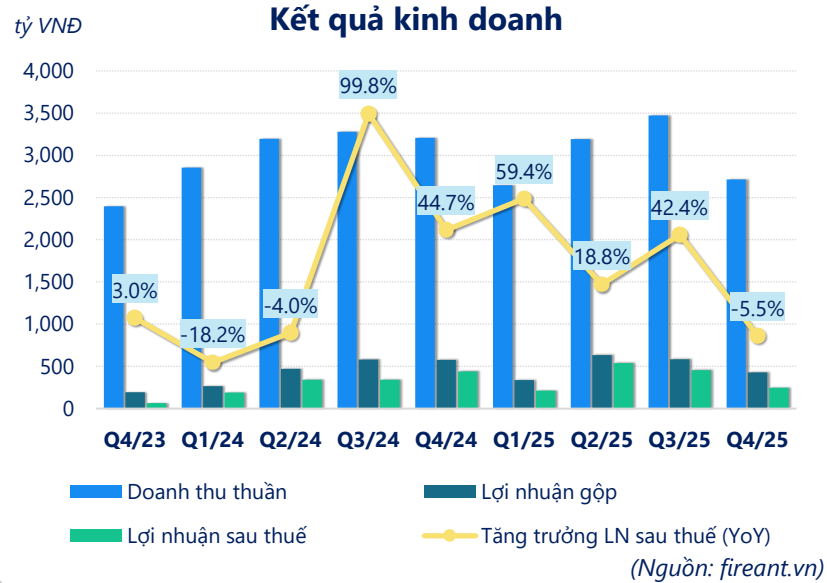


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		56,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		69,870
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		42,279
SL cổ phiếu LH		224,453,159
KLGD BQ 20 phiên (CP)		598,690
% sở hữu nước ngoài		21.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		12,592
P/E		9.2
EPS		6,073

	YTD	1T	3T	6T
VHC	-18.4%	-2.6%	2.7%	-0.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,422	12,234	9.7%
Tài sản ngắn hạn	9,332	8,238	13.3%
Tiền và tương đương tiền	2,008	570	252%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,357	2,340	0.7%
Phải thu ngắn hạn	2,030	2,201	-7.7%
Hàng tồn kho	2,771	2,915	-4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	165	213	-22.5%
Tài sản dài hạn	4,090	3,996	2.4%
Phải thu dài hạn	2.55	1.55	64.5%
Tài sản cố định	3,310	3,415	-3.1%
Bất động sản đầu tư	239	0	
Tài sản dở dang	102	109	-6.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	55.9	69.5	-19.5%
Tài sản dài hạn khác	225	210	7.0%
Lợi thế thương mại	155	190	-18.4%
Nợ phải trả	3,435	3,241	6.0%
Nợ ngắn hạn	3,382	3,184	6.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,046	2,277	-10.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	337	278	21.1%
Nợ dài hạn	52.3	56.9	-8.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	9,987	8,994	11.0%
Vốn chủ sở hữu	9,987	8,994	11.0%
Vốn điều lệ	2,245	2,245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	3,206	2,648	3,192	3,471	2,715
Giá vốn hàng bán	2,628	2,311	2,559	2,887	2,286
Lợi nhuận gộp	578	337	633	584	429
Doanh thu HĐTC	148	89.7	112	116	46.2
Chi phí TC	49.8	57.1	4.51	22.0	23.7
Chi phí lãi vay	17.0	17.2	14.1	10.9	11.7
LN trong công ty LKLD	0.56	0.53	1.58	1.55	-3.66
Chi phí bán hàng	64.1	52.5	62.4	70.6	65.9
Chi phí QLDN	138	70.5	81.3	75.7	88.5
LN thuần từ HĐKD	474	247	599	533	293
Lợi nhuận khác	6.10	6.77	11.4	1.47	-6.82
LN trước thuế	481	254	610	535	286
Lợi nhuận sau thuế	441	211	539	455	245
LNST của CĐ cty mẹ	425	193	515	433	222

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	729	241	485	1,255	96.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-358	10.2	240	-841	183
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-414	209	-616	119	56.8
Tiền đầu kỳ	612	570	1,031	1,148	1,678
Lưu chuyển tiền thuần	-42.9	460	110	533	336
Ảnh hưởng tỷ giá	1.11	0.66	6.57	-2.34	-6.54
Tiền cuối kỳ	570	1,031	1,148	1,678	2,008

(Nguồn: fireant.vn)